



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận	2900765728	ngày 25 tháng 9 năm 2006
Đăng ký Doanh nghiệp số	2900765728	ngày 11 tháng 5 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2900765728 ngày 11 tháng 5 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Tiến Dũng Ông Hoàng Lâm Hòa Ông Ngô Quang Danh Ông Nguyễn Xuân Hải Ông Nguyễn Kim Hòa	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	--	--

Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thanh Thủy Bà Nguyễn Thị Huân Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Trưởng ban Thành viên Thành viên
----------------------	---	--

Ban Giám đốc	Ông Hoàng Lâm Hòa Ông Đặng An Hải Ông Trần Đức Sơn	Giám đốc Phó Giám đốc Phó Giám đốc
---------------------	--	--

Trụ sở đăng ký	Số 54, Đường Phan Đăng Lưu Phường Trường Thi Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Hoàng Lâm Hòa
Giám đốc

Tỉnh Nghệ An, ngày 2 tháng 3 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 2 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng muốn lưu ý người đọc tới thuyết minh 3(j) và thuyết minh 31 của báo cáo tài chính. Trong năm, Công ty đã thay đổi chính sách kế toán liên quan đến dự phòng trợ cấp thôi việc, chuyển từ việc áp dụng Thông tư 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 sang áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng. Chính sách kế toán mới này được áp dụng hồi tố. Thuyết minh 31 trình bày ảnh hưởng của việc áp dụng hồi tố chính sách kế toán mới này đối với báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh



Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00253-20-2

Hà Vũ Đình
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2020

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND (Đã điều chỉnh lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		62.128.319.261	59.653.854.129
Tiền	110	5	4.656.183.143	3.014.388.211
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.360.494.732	3.992.285.795
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.877.542.614	3.555.023.139
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.214.032.524	373.052.616
Phải thu ngắn hạn khác	136		268.919.594	64.210.040
Hàng tồn kho	140	7	50.889.588.144	51.033.915.734
Hàng tồn kho	141		59.511.657.378	51.033.915.734
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.622.069.234)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.222.053.242	1.613.264.389
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		237.298.682	312.412.929
Thuế phải thu Nhà nước	153	12(b)	1.984.754.560	1.300.851.460
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		137.431.004.695	142.010.060.835
Tài sản cố định	220		86.645.451.094	89.241.319.091
Tài sản cố định hữu hình	221	8	86.616.395.540	89.241.319.091
Nguyên giá	222		420.648.214.018	415.500.335.029
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(334.031.818.478)	(326.259.015.938)
Tài sản cố định vô hình	227		29.055.554	-
Nguyên giá	228		279.900.000	239.900.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(250.844.446)	(239.900.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		974.685.261	177.029.954
Xây dựng cơ bản dở dang	242		974.685.261	177.029.954
Tài sản dài hạn khác	260		49.810.868.340	52.591.711.790
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	45.979.209.944	50.495.513.990
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	10	3.831.658.396	2.096.197.800
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		199.559.323.956	201.663.914.964

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND (Đã điều chỉnh lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		58.500.111.526	60.834.325.862
Nợ ngắn hạn	310		41.558.304.917	45.396.765.421
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	17.015.492.275	10.310.164.438
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.081.643.550	950.855.000
Thuế phải nộp Nhà nước	313	12(a)	7.543.680.054	11.154.037.459
Phải trả người lao động	314		5.418.251.476	3.371.327.236
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	2.127.755.518	4.411.269.481
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		324.181.816	1.133.309.080
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	8.483.114.050	7.469.136.549
Vay ngắn hạn	320	15	-	6.500.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	(435.813.822)	96.666.178
Nợ dài hạn	330		16.941.806.609	15.437.560.441
Phải trả dài hạn khác	337		1.769.500.000	267.300.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	10	4.636.083.859	4.689.271.442
Dự phòng phải trả dài hạn	342	17	10.536.222.750	10.480.988.999

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND (Đã điều chỉnh lại)
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		141.059.212.430	140.829.589.102
Vốn chủ sở hữu	410	18	141.059.212.430	140.792.189.102
Vốn cổ phần	411	19	105.000.000.000	105.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		105.000.000.000	105.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		7.390.909.325	7.390.909.325
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	21.774.479.829	21.774.479.829
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	10.500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (lỗ lũy kế)	421		6.893.823.276	(3.873.200.052)
- LNST chưa phân phối/(lỗ lũy kế) đến cuối năm trước	421a		2.426.799.948	(8.121.545.622)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.467.023.328	4.248.345.570
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	37.400.000
Nguồn kinh phí	431		-	37.400.000
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		199.559.323.956	201.663.914.964

Ngày 2 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Đặng Hải Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hoàng Lâm Hòa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND (Đã điều chỉnh lại)
Doanh thu bán hàng	01	23	271.698.904.841	270.322.193.237
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	1.557.308.563	4.340.754.737
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	23	270.141.596.278	265.981.438.500
Giá vốn hàng bán	11	24	226.591.199.414	225.476.941.582
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		43.550.396.864	40.504.496.918
Doanh thu hoạt động tài chính	21		119.172.203	17.470.216
Chi phí tài chính	22		393.109.119	860.356.940
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		392.134.975	859.012.959
Chi phí bán hàng	25	25	16.307.438.430	16.192.948.572
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	22.343.720.941	18.277.905.600
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		4.625.300.577	5.190.756.022
Thu nhập khác	31		1.401.541.820	629.158.619
Chi phí khác	32		253.674.405	156.162.059
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.147.867.415	472.996.560

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 02 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND (Đã điều chỉnh lại)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.773.167.992	5.663.752.582
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	3.094.792.843	778.308.665
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	(1.788.648.179)	413.784.770
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.467.023.328	4.471.659.147
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	425	405

Ngày 2 tháng 3 năm 2020

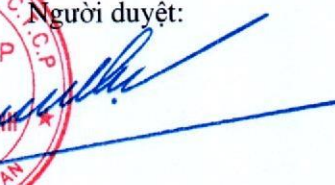
Người lập:



Đặng Hải Hà
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Hoàng Lâm Hòa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	5.773.167.992	5.663.752.582
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	10.234.418.472	9.639.359.754
Các khoản dự phòng	03	8.755.890.985	(28.777.842)
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	822.109	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(212.449.762)	(127.936.487)
Chi phí lãi vay	06	392.134.975	859.012.959
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	24.943.984.771	16.005.410.966
Biến động các khoản phải thu	09	330.543.791	5.834.829.228
Biến động hàng tồn kho	10	(9.275.396.951)	3.721.520.971
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	3.054.894.502	(7.406.241.535)
Biến động chi phí trả trước	12	3.483.212.597	7.124.623.687
		22.537.238.710	25.280.143.317
Tiền lãi vay đã trả	14	(392.134.975)	(859.012.959)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.766.137.249)	619.348.316
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(611.068.000)	(159.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.767.898.486	24.880.578.674
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(8.157.816.813)	(8.317.562.956)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	288.000.000	110.783.636
Tiền thu lãi tiền gửi	27	119.020.168	17.152.851
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.750.796.645)	(8.189.626.469)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33	30.530.408.669	51.327.178.520
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(37.030.408.669)	(59.827.178.520)
Tiền chi trả cổ tức	36	(1.874.484.800)	(13.219.213.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.374.484.800)	(21.719.213.200)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	1.642.617.041	(5.028.260.995)
Tiền đầu năm	60	3.014.388.211	8.042.649.206
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(822.109)	-
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	4.656.183.143	3.014.388.211

Ngày 2 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Đặng Hải Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hoàng Lâm Hòa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán các sản phẩm bia, cồn, rượu và nước giải khát; lắp đặt và chuyển giao công nghệ sản xuất bia; và mua bán các loại nguyên, nhiên vật liệu phục vụ ngành bia và nước giải khát.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 260 nhân viên (1/1/2019: 261 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 4 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Thùng inox

Thùng inox là dụng cụ được Công ty sử dụng trong quá trình sản xuất bia và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Thùng inox được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 10 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Chi phí nâng cấp

Chi phí nâng cấp tài sản cố định phản ánh các chi phí sửa chữa, thay thế máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không đủ điều kiện để ghi nhận vào nguyên giá tài sản cố định. Chi phí nâng cấp được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iv) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 6 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2019, Công ty đã thay đổi chính sách kế toán liên quan đến dự phòng trợ cấp thôi việc. Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng* (“VAS 18”), thay cho Thông tư 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 180”) như những năm trước. Chính sách kế toán mới này được áp dụng hồi tố. Do đó, nghĩa vụ đối với các nhân viên đủ điều kiện và giá trị dự phòng trợ cấp thôi việc đã được ghi nhận trong báo cáo tài chính của Công ty. Thuyết minh 31 trình bày chi tiết ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán này.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ lắp đặt và chuyển giao công nghệ sản xuất bia; và mua bán các loại nguyên, nhiên liệu phục vụ ngành bia và nước giải khác. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	505.984.818	1.458.963.983
Tiền gửi ngân hàng	4.150.198.325	1.555.424.228
	4.656.183.143	3.014.388.211

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	845.928.600	3.377.627.770
Công ty TNHH Thương mại Hải Thảo	679.806.000	-
Các khách hàng khác	351.808.014	177.395.369
	1.877.542.614	3.555.023.139

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	845.928.600	3.377.627.770

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND (Phân loại lại)	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	227.272.727	-	-	-
Nguyên vật liệu	16.721.329.905	-	16.036.570.811	-
Công cụ và dụng cụ	22.452.269.459	(8.622.069.234)	21.715.968.478	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.496.006.445	-	7.505.439.611	-
Thành phẩm	6.614.778.842	-	5.775.936.834	-
	59.511.657.378	(8.622.069.234)	51.033.915.734	-

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	-	22.043.341
Dự phòng trích lập trong năm	8.622.069.234	-
Dự phòng hoàn nhập trong năm	-	(22.043.341)
Số dư cuối năm	8.622.069.234	-

Công ty Cổ phần Bìa Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	35.998.112.046	365.794.845.495	10.493.610.130	3.213.767.358	415.500.335.029
Tăng trong năm	-	6.187.637.912	-	-	6.187.637.912
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	497.277.273	-	-	-	497.277.273
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	2.618.867.318	-	-	2.618.867.318
Thanh lý	-	(3.795.370.514)	(360.533.000)	-	(4.155.903.514)
Số dư cuối năm	36.495.389.319	370.805.980.211	10.133.077.130	3.213.767.358	420.648.214.018
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	26.687.522.189	288.315.252.526	8.214.185.019	3.042.056.204	326.259.015.938
Khấu hao trong năm	1.025.028.358	9.080.713.831	75.831.727	41.900.110	10.223.474.026
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	1.510.661.622	-	-	1.510.661.622
Thanh lý	-	(3.600.800.108)	(360.533.000)	-	(3.961.333.108)
Số dư cuối năm	27.712.550.547	295.305.827.871	7.929.483.746	3.083.956.314	334.031.818.478
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	9.310.589.857	77.479.592.969	2.279.425.111	171.711.154	89.241.319.091
Số dư cuối năm	8.782.838.772	75.500.152.340	2.203.593.384	129.811.044	86.616.395.540

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 271.194 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 267.248 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Chi phí trả trước dài hạn**

	Thùng inox VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí nâng cấp VND	Bao bì luân chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	23.142.651.248	10.523.140.727	10.290.298.414	6.539.423.601	50.495.513.990
Tăng trong năm	338.890.849	9.736.392.434	249.085.455	7.440.923.605	17.765.292.343
Phân bổ trong năm	(4.692.858.664)	(7.758.552.839)	(4.376.192.172)	(3.841.927.398)	(20.669.531.073)
Thanh lý	(340.886.679)	-	-	(162.972.941)	(503.859.620)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(1.108.205.696)	-	-	(1.108.205.696)
Số dư cuối năm	18.447.796.754	11.392.774.626	6.163.191.697	9.975.446.867	45.979.209.944

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND (Đã điều chỉnh lại)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:	2.107.244.550	2.096.197.800
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.724.413.846	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
	3.831.658.396	2.096.197.800
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận trên:		
Phân bổ bình inox	(4.636.083.859)	(4.689.271.442)

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	4.436.078.350	1.827.681.092
Công ty TNHH Bao bì Nước Giải khát Crown Đà Nẵng	1.445.224.424	1.450.155.959
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	-	2.840.306.460
Các nhà cung cấp khác	11.134.189.501	4.192.020.927
	<hr/>	<hr/>
	17.015.492.275	10.310.164.438

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	-	2.840.306.460
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	1.510.738.922	62.622.476
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	433.365.777	180.583.999
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	125.125.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh	30.690.000	15.345.000
Công ty Cổ phần Bao bì Sabeco - Sông Lam	-	387.924.900
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	-	47.291.608

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	Chuyển sang thuế phải thu VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	983.009.684	47.201.128.272	(47.766.260.753)	-	417.877.203
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.094.792.843	(3.766.137.249)	671.344.406	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	10.157.645.836	205.132.809.049	(208.173.193.954)	-	7.117.260.931
Thuế thu nhập cá nhân	2.847.619	944.134.814	(959.541.127)	12.558.694	-
Thuế tài nguyên	10.534.320	178.758.480	(180.750.880)	-	8.541.920
	<u>11.154.037.459</u>	<u>256.551.623.458</u>	<u>(260.845.883.963)</u>	<u>683.903.100</u>	<u>7.543.680.054</u>

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2019 VND	Chuyển từ thuế phải nộp VND	31/12/2019 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.300.851.460	671.344.406	1.972.195.866
Thuế thu nhập cá nhân	-	12.558.694	12.558.694
	<u>1.300.851.460</u>	<u>683.903.100</u>	<u>1.984.754.560</u>

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng và chi phí khuyến mãi	1.512.921.738	4.013.323.054
Chi phí vận chuyển và bốc xếp	90.909.090	136.384.361
Chi phí khác	523.924.690	261.562.066
	<u>2.127.755.518</u>	<u>4.411.269.481</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Cổ tức phải trả	4.101.449.850	1.775.934.650
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.017.117.000	5.161.147.800
Phải trả ngắn hạn khác	364.547.200	532.054.099
	<hr/>	<hr/>
	8.483.114.050	7.469.136.549
	<hr/>	<hr/>

15. Vay ngắn hạn

	1/1/2019	Biến động trong năm		31/12/2019
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	6.500.000.000	30.530.408.669	(37.030.408.669)	-
	<hr/>			

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh có hạn mức tín dụng là 50.000 triệu VND và chịu lãi suất từ 6,2% đến 6,7% một năm (2018: 6,2% đến 6,7% một năm). Các khoản vay này đã được hoàn trả đầy đủ trong năm.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội Đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2019	2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	96.666.178	10.153.302
Trích lập trong năm (thuyết minh 18)	-	246.412.876
Sử dụng trong năm	(532.480.000)	(159.900.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	(435.813.822)	96.666.178
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

17. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2019 VND
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh lại – thuyết minh 31)	10.480.988.999
Dự phòng trích lập trong năm	133.821.751
Dự phòng sử dụng trong năm	(78.588.000)
Số dư cuối năm	<u>10.536.222.750</u>

Công ty Cổ phần Bìa Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<i>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</i>	105.000.000.000	7.390.909.325	21.774.479.829	10.500.000.000	6.591.732.477	151.257.121.631
- đã báo cáo trước đây	-	-	-	-	(8.390.178.800)	(8.390.178.800)
<i>Ảnh hưởng của thay đổi chính sách kế toán (thuyết minh 31)</i>						
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	105.000.000.000	7.390.909.325	21.774.479.829	10.500.000.000	(1.798.446.323)	142.866.942.831
- đã điều chỉnh lại						
<i>Lợi nhuận thuần trong năm</i>						
- đã báo cáo trước đây	-	-	-	-	4.466.271.546	4.466.271.546
<i>Ảnh hưởng của thay đổi chính sách kế toán (thuyết minh 31)</i>						
Lợi nhuận thuần trong năm					5.387.601	5.387.601
- đã điều chỉnh lại						
Cổ tức (thuyết minh 20)					4.471.659.147	4.471.659.147
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (thuyết minh 16)					(6.300.000.000)	(6.300.000.000)
					(246.412.876)	(246.412.876)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	105.000.000.000	7.390.909.325	21.774.479.829	10.500.000.000	(3.873.200.052)	140.792.189.102
- đã điều chỉnh lại						
<i>Lợi nhuận thuần trong năm</i>						
Cổ tức (thuyết minh 20)					4.467.023.328	4.467.023.328
Chuyển từ quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối					(4.200.000.000)	(4.200.000.000)
					10.500.000.000	10.500.000.000
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	105.000.000.000	7.390.909.325	21.774.479.829	-	6.893.823.276	141.059.212.430

Ngày 15 tháng 1 năm 2019, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt chuyển số dư của quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết số 02/2019/NQ-HDQT.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2019 và 1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	10.500.000	105.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	10.500.000	105.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

20. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 24 tháng 3 năm 2019, Đại Hội Đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 4.200 triệu VND (tương đương 400 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 (2018: 6.300 triệu VND, tương đương 600 VND/cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017).

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội Đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.043.147.477	1.751.762.167
Từ hai đến năm năm	6.733.017.108	5.577.471.566
Sau năm năm	9.075.203.201	9.507.355.735
	18.851.367.786	16.836.589.468

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Ngoại tệ				
▪ USD	202	4.676.770	232	5.374.269
▪ EUR	270	6.977.826	298	7.825.753
		11.654.596		13.200.022

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2019 VND	2018 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	265.900.512.445	264.497.945.999
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	471.033.321.494	471.648.709.168
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(205.132.809.049)	(207.150.763.169)
▪ Doanh thu khác	5.798.392.396	5.824.247.238
	271.698.904.841	270.322.193.237
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	1.557.308.563	4.340.754.737
	270.141.596.278	265.981.438.500

24. Giá vốn hàng bán

	2019 VND	2018 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	216.951.756.870	224.124.914.454
▪ Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	8.622.069.234	(22.043.341)
▪ Giá vốn khác	1.017.373.310	1.374.070.469
	226.591.199.414	225.476.941.582

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí bán hàng

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	4.958.560.454	6.291.606.893
Chi phí khuyến mãi	4.390.081.883	1.731.165.990
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.461.016.088	3.517.995.817
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.629.304.386	1.765.167.776
Chi phí khấu hao	751.520.017	1.043.391.440
Chi phí bán hàng khác	2.116.955.602	1.843.620.656
	<hr/>	<hr/>
	16.307.438.430	16.192.948.572

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2019 VND	2018 VND (Đã điều chỉnh lại)
Chi phí nhân viên	12.163.004.894	7.827.318.938
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.637.597.661	2.182.251.029
Chi phí thuê đất	1.317.336.977	1.751.761.533
Chi phí vật liệu văn phòng	806.600.975	1.011.835.407
Chi phí khấu hao	374.304.155	399.042.979
Chi phí quản lý khác	5.044.876.279	5.105.695.714
	<hr/>	<hr/>
	22.343.720.941	18.277.905.600

27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2019 VND	2018 VND (Đã điều chỉnh lại)
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	146.826.896.556	145.164.232.964
Chi phí nhân công và nhân viên	40.789.529.019	38.116.987.034
Chi phí khấu hao và phân bổ	10.234.418.472	9.639.359.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.001.858.824	18.114.679.243
Chi phí khác	47.389.655.914	48.912.536.759
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2019 VND	2018 VND (Đã điều chỉnh lại)
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	3.035.081.778	778.308.665
Dự phòng thiếu trong những năm trước	59.711.065	-
	<hr/> 3.094.792.843	<hr/> 778.308.665
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.788.648.179)	413.784.770
	<hr/> 1.306.144.664	<hr/> 1.192.093.435

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019 VND	2018 VND (Đã điều chỉnh lại)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.773.167.992	5.663.752.582
	<hr/> 1.154.633.599	<hr/> 1.132.750.516
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	91.800.000	59.342.919
Chi phí không được khấu trừ thuế	59.711.065	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	<hr/> 1.306.144.664	<hr/> 1.192.093.435

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2019	2018
	VND	VND
		(Đã điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong năm	4.467.023.328	4.471.659.147
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(223.313.577)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	4.467.023.328	4.248.345.570

(*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội Đồng cổ đông thường niên.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 10.500.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2019 VND	2018 VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	223.545.813.980	251.032.045.190
Mua hàng hóa và dịch vụ	44.738.149.591	48.818.150.211
Cổ tức	2.298.800.000	3.448.200.000
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua hàng hóa và dịch vụ	652.794.409	327.754.998
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh		
Mua hàng hóa	237.150.000	207.700.000
Công ty TNHH Bao Bì San Miguel Yamamura Phú Thọ		
Mua hàng hóa	1.402.777.800	1.172.243.740
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	2.073.080.474	835.398.089
Công ty Cổ phần Bao bì Sabeco - Sông Lam		
Mua hàng hóa và dịch vụ	113.750.000	1.923.862.548
Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	2.100.000.000	2.100.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Số liệu so sánh

Ngoại trừ các điều chỉnh lại và phân loại lại như được trình bày dưới đây, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

(a) Điều chỉnh lại

Như đề cập ở thuyết minh số 3(j), Công ty đã thay đổi chính sách kế toán liên quan đến dự phòng trợ cấp thôi việc từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 và chính sách kế toán mới này đã được áp dụng hồi tố. Điều này dẫn đến số dư đầu năm và số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được điều chỉnh lại. Bảng so sánh số liệu đã báo cáo trong năm trước, và số liệu sau khi điều chỉnh lại, như sau:

Bảng cân đối kế toán

	1/1/2019 VND (Đã báo cáo trước đây)	Các điều chỉnh VND	1/1/2019 VND (Điều chỉnh lại)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	2.096.197.800	2.096.197.800
Dự phòng phải trả dài hạn	-	10.480.988.999	10.480.988.999
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (lỗ lũy kế)	4.511.591.147	(8.384.791.199)	(3.873.200.052)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) đến cuối năm trước	268.633.178	(8.390.178.800)	(8.121.545.622)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4.242.957.969	5.387.601	4.248.345.570

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2018 VND (Đã báo cáo trước đây)	Các điều chỉnh VND	2018 VND (Điều chỉnh lại)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.284.640.101	(6.734.501)	18.277.905.600
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	412.437.870	1.346.900	413.784.770
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	4.466.271.546	5.387.601	4.471.659.147

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phân loại lại

Một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với quy định về trình bày báo cáo tài chính của năm hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Hàng tồn kho

	1/1/2019 VND (phân loại lại)	1/1/2019 VND (theo báo cáo trước đây)
Nguyên vật liệu	16.036.570.811	33.630.294.193
Công cụ và dụng cụ	21.715.968.478	4.122.245.096

Ngày 2 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Đặng Hải Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hoàng Lâm Hòa
Giám đốc



